TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PĂH** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 10/10/2018
"*V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Lê Văn Tàu;
2. Bà Hoàng Thị Hải.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Huỳnh Nữ Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa***: Bà Tô Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị Thu T, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện C, tỉnh G (có mặt)
- *Bị đơn*: Anh Lê Thanh N, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện C, tỉnh G (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2018, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phan Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh N tìm hiểu đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh G. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, nhưng đến tháng 12/2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lý do anh N bị tai nạn phải nằm bệnh viện điều trị, hai bên gia đình đã hết lòng chăm sóc, nhưng bên gia đình anh N lại nói "Đi xem bói nếu anh N về ở với chị sẽ chết" do kị tuổi nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Mẹ chồng chị đã tự đưa

anh N về K để điều trị, khi chị tìm đến nơi thì vết thương của anh N đã bị nhiễm trùng nên chị đưa anh N về bệnh viện 211 để điều trị trong khoảng 30 ngày thì xuất viện. Đến tháng 7/2014, khi anh N đã tự đi lại được, anh đã nghe lời mẹ bỏ ra ở riêng cho tới nay. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh N không nghe, vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, thỉnh thoảng anh N về thăm con, nhưng không chu cấp tiền nuôi con, từ đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: chị và anh N có một con chung là Lê Phan Thủy T, sinh ngày 27/3/2011. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn là anh Lê Thanh N: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N không đến Toà án để làm việc, không cung cấp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Thanh N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị PhanThị Thu T và anh Lê Thanh N tự nguyện tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau vào ngày 09/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh G. Việc kết hôn của anh chị đúng theo quy định pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị T, anh N và gia đình hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, gia đình anh N cho rằng anh N và chị T kị tuổi nhau nên không thể chung sống với nhau, còn anh N cũng tự bỏ ra ở riêng và không quay về chung sống với chị, mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N vẫn không quay về. Nên từ tháng 7/2014 anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T xét thấy không còn tình cảm yêu thương gì với anh N nữa nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng anh N không lên Tòa án làm việc, cũng như không có ý kiến gửi cho Tòa án, thể hiện anh N không có thiện chí hàn gắn tình cảm để cùng chị T đoàn tụ gia đình, nuôi dạy con cái. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh Lê Thanh N.

Về con chung: Giữa chị T và anh N có một con chung là Lê Phan Thủy T, sinh ngày 27/3/2011.

Tại bản tự khai của cháu T có tại hồ sơ vụ án thể hiện, trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con.

Xét nguyện vọng của chị T thì thấy rằng, hiện nay cháu T đang có cuộc sống ổn định với mẹ, chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị Phan Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về hôn nhân: Chị Phan Thị Thu T được ly hôn với anh Lê Thanh N.

Về con chung: Giao con chung là Lê Phan Thủy T, sinh ngày 27/3/2011 cho chị Phan Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành

niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Thanh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Buộc chị Phan Thị Thu T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0002422 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Chị Phan Thị Thu T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án./.

***Nơi nhận* :**
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND h. Chư Păh;
-THADS h. Chư Păh;
-UBND xã H;
-Đương sự;
-Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa